

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 688/2018/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm: 1986. Địa chỉ: 11/38 đường L, phường Th, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Hoàng Tuấn V, sinh năm: 1985. Địa chỉ: 10/115 đường B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà thành ngày 09 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh Hoàng Tuấn V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung, việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh Hoàng Tuấn V công nhận vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Hiếu M, sinh ngày: 24-01-2015. Hai bên thoả thuận giao con chung là Hoàng Hiếu M cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Hoàng Tuấn V tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr mỗi tháng là: 5.000.000 đồng; Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu

thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh Hoàng Tuấn V công nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh Hoàng Tuấn V công nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn: Là 150.000 đồng, chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh Hoàng Tuấn V mỗi người phải chịu 75.000đồng; Về án phí cấp dưỡng: Anh Hoàng Tuấn V phải chịu 150.000 đồng nhưng nay chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh Hoàng Tuấn V thỏa thuận chị Tr chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng thay cho anh V và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/006299 ngày 21-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, nay khỏi phải nộp nữa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT.Huế;
 - VKSNDTP.Huế;
 - Chi cục THADS TP Huế;
 - Các đương sự;
 - UBND phường Đ, Tp.H
- (ĐKKH số 22 ngày 14/02/2014);
- Lưu hồ sơ;
 - Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Mai Văn Phú